

CHÍNH PHỦ**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 82/2003/NĐ-CP ngày 18/7/2003 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thông tấn xã Việt Nam.****CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 30/2003/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan thuộc Chính phủ;

Theo đề nghị của Tổng giám đốc Thông tấn xã Việt Nam và Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

NGHỊ ĐỊNH:**Điều 1. Vị trí và chức năng**

Thông tấn xã Việt Nam là cơ quan sự nghiệp thuộc Chính phủ thực hiện chức năng thông tấn Nhà nước trong việc phát hành tin, văn kiện chính thức của Đảng và Nhà nước, cung cấp thông tin phục vụ yêu cầu lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước; thu thập thông tin, phổ biến thông tin bằng các loại hình báo chí phục vụ các đối tượng có nhu cầu trong và ngoài nước; thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể về đại diện chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc Thông tấn xã Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Thông tấn xã Việt Nam chịu sự quản lý nhà

nước của Bộ Văn hóa - Thông tin về hoạt động báo chí.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Thông tấn xã Việt Nam có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thuộc Chính phủ hoạt động sự nghiệp theo quy định tại Nghị định số 30/2003/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan thuộc Chính phủ và những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

1. Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chiến lược, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, năm năm, hàng năm và các dự án quan trọng khác của Thông tấn xã Việt Nam; tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch sau khi được phê duyệt.

2. Phát hành tin, văn kiện chính thức của Đảng và Nhà nước; thu thập, biên soạn tin, ảnh, tư liệu và tài liệu tham khảo phục vụ kịp thời yêu cầu lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước.

3. Thu thập, biên soạn và phổ biến thông tin (tin, bài, tư liệu, tài liệu, sách, ảnh, sản phẩm nghe nhìn, sản phẩm đa phương tiện) phục vụ mọi đối tượng có nhu cầu trong và ngoài nước theo quy định của Luật Báo chí, Luật Xuất bản.

4. Khi được Thủ tướng Chính phủ ủy nhiệm, Thông tấn xã Việt Nam được phép công bố những quan điểm chính thống của Nhà nước về các vấn đề thời sự, chỉnh đốn những thông tin không phù hợp, cải chính những thông tin sai lệch, bác bỏ những thông tin có dụng ý xuyên tạc.

5. Tham gia thực hiện công tác thông tin đối ngoại của Đảng và Nhà nước theo quy định của pháp luật.

6. Phối hợp với Bộ Văn hóa - Thông tin quản

lý các nguồn tin báo chí của các hãng thông tấn nước ngoài lưu hành trên lãnh thổ Việt Nam theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện lưu trữ quốc gia về tư liệu thông tin; là ngân hàng dữ kiện - dữ liệu về tư liệu thông tin và quản lý tư liệu ảnh quốc gia theo quy định của pháp luật.

8. Phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện nhiệm vụ chung về thông tin và những nhiệm vụ liên quan khác phục vụ công tác quốc phòng - an ninh.

9. Trình Bộ trưởng được Thủ tướng Chính phủ phân công ký ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm chuyên môn, nghiệp vụ và định mức kinh tế kỹ thuật về thông tấn được áp dụng trong cả nước.

10. Tổ chức nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ về nghiệp vụ thông tấn, công nghệ thông tin phục vụ chức năng thông tấn, báo chí.

11. Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể về đại diện chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc Thông tấn xã Việt Nam quản lý theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện hợp tác quốc tế theo quy định của pháp luật.

13. Quản lý các dự án đầu tư và xây dựng thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

14. Tham gia thẩm định các đề án, dự án quan trọng thuộc chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

15. Quyết định và chỉ đạo thực hiện chương trình cải cách hành chính của Thông tấn xã Việt Nam theo mục tiêu và nội dung chương trình cải cách hành chính nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

16. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế; chỉ đạo thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ chính sách đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Thông tấn xã Việt Nam;

dào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ và kỹ thuật thông tấn, báo chí đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Thông tấn xã Việt Nam.

17. Quản lý tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện phần ngân sách nhà nước cấp và phần thu được theo quy định của pháp luật.

18. Thực hiện chế độ báo cáo với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức của Thông tấn xã Việt Nam

a) Các tổ chức giúp việc Tổng giám đốc:

1. Ban Thư ký biên tập;
2. Ban Tổ chức cán bộ;
3. Ban Kế hoạch tài vụ;
4. Ban Kiểm tra;
5. Văn phòng.

b) Các tổ chức biên tập:

1. Ban Biên tập tin trong nước;
2. Ban Biên tập tin thế giới;
3. Ban Biên tập tin đối ngoại;
4. Ban Biên tập - sản xuất ảnh báo chí;
5. Ban Biên tập tin kinh tế;
6. Báo ảnh Việt Nam;
7. Trung tâm Dữ kiện - tư liệu.

c) Các tổ chức khác:

1. Trung tâm Kỹ thuật thông tấn;
2. Trung tâm Hợp tác quốc tế thông tấn;
3. Trung tâm Bồi dưỡng nghiệp vụ thông tấn;
4. Trung tâm Tin học.
5. Các phân xã Thông tấn xã Việt Nam ở nước ngoài do Tổng giám đốc Thông tấn xã Việt Nam quyết định thành lập sau khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép.

Văn phòng đại diện Thông tấn xã Việt Nam tại

thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, các phân xã Thông tấn xã Việt Nam ở trong nước, các tòa soạn báo chí, cơ sở xuất bản, phát hành, nghe nhìn và các đơn vị khác hiện có giao Tổng giám đốc Thông tấn xã Việt Nam tổ chức và sắp xếp theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo, thay thế Nghị định số 66/1998/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 1998 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Thông tấn xã Việt Nam.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Tổng giám đốc Thông tấn xã Việt Nam, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ

Thủ tướng

PHAN VĂN KHÁI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 83/2003/NĐ-CP ngày 18/7/2003 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Tiếng nói Việt Nam.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 30/2003/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan thuộc Chính phủ;

Theo đề nghị của Tổng giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam và Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

Đài Tiếng nói Việt Nam là Đài Phát thanh quốc gia thuộc Chính phủ thực hiện chức năng thông tin, tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; góp phần giáo dục, nâng cao dân trí, phục vụ đời sống tinh thần của nhân dân bằng các chương trình phát thanh; thực hiện một số nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể về đại diện chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc Đài Tiếng nói Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Đài Tiếng nói Việt Nam chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa - Thông tin về hoạt động báo chí và quản lý nhà nước của Bộ Bưu chính Viễn thông về tần số truyền dẫn, phát sóng phát thanh.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Đài Tiếng nói Việt Nam có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan sự nghiệp quy định tại Nghị định số 30/2003/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan thuộc Chính phủ và những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

1. Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chiến lược, quy hoạch, các chương trình, kế hoạch dài hạn, năm năm và hàng năm, các dự án quan trọng của Đài Tiếng nói Việt Nam; tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch sau khi được phê duyệt;

2. Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính của Đài Tiếng nói Việt Nam;